TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2017/DS-ST
Ngày: 25-9-2017
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lê Thị Thu Hồng

2/ Bà Trần Thị Sẩm

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Chiến Trực – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2017/TLST – DS, ngày 29/6/2017, về: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2017/QĐXX – ST, ngày 01/9/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Ch, sinh năm 1967; Địa chỉ cư trú: ấp T, xã M, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Trần Ng, sinh năm 1985; Địa chỉ cư trú: ấp A, xã Đ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre là người đại diện theo ủy quyền. Văn bản ủy quyền đề ngày 17/7/2017.

2. Bị đơn: Bà Phan Thị B, sinh năm 1971; Địa chỉ cư trú: ấp T1, xã M, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn B1, sinh năm 1967; Địa chỉ cư trú: ấp T1, xã M, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Anh Trần Ng có mặt. Bà Phan Thị B, ông Nguyễn Văn B1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/6/2017 của nguyên đơn bà Phạm Thị Ch, lời trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa của người đại diện theo ủy quyền là anh Trần Ng:

Vào ngày 16/11/2015 âm lịch, bà Phạm Thị Ch có cho bà Phan Thị B vay số tiền 44.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng, thời hạn vay 02 tháng, chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không lập thành văn bản. Ngày 16/12/2015 âm lịch, bà B có trả lãi cho bà Ch số tiền 2.640.000 đồng, hẹn đến tháng 02/2016 âm lịch sẽ trả. Ngày 01/02/2016 âm lịch, bà B tiếp tục vay số tiền 80.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng, thời hạn vay 01 tuần, có viết biên nhận. Tổng cộng 02 lần vay là 124.000.000 đồng. Sau nhiều lần đòi, đến tháng 4/2016 âm lịch, bà B đã trả được 14.000.000 đồng. Tháng 6/2016, bà Ch gởi đơn đến Ủy ban nhân dân xã M yêu cầu giải quyết. Ngày 01/7/2016, Ủy ban nhân dân xã M tiến hành hòa giải, bà B cam kết mỗi tháng trả cho bà Ch 4.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Bà B đã trả đến ngày 01/3/2017 với số tiền là 32.000.000 đồng. Hiện còn nợ tiền gốc 78.000.000 đồng. Do bà B vay tiền để đáo hạn Ngân hàng và làm kinh tế gia đình nên yêu cầu bà B cùng chồng là ông Nguyễn Văn B1 trả tiền trên, cùng lãi suất chậm trả theo mức lãi suất cơ bản (0.75%/tháng) do Ngân hàng Nhà nước quy định từ ngày 01/02/2016 âm lịch đến ngày Tòa án xét xử.

- Tại bản khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình hòa giải, bị đơn bà Phan Thị B trình bày:

Thống nhất lời trình bày của bà Ch về thời gian, các lần vay, số tiền vay, thỏa thuận lãi. Trong quá trình Ủy ban nhân dân xã M hòa giải, bà Ch và bà có thỏa thuận mỗi tháng bà trả cho bà Ch số tiền 4.000.000 đồng, đã trả được 08 tháng với số tiền 32.000.000 đồng, hiện còn nợ lại 78.000.000 đồng. Đối với khoản vay 44.000.000 đồng do bà mua bán dừa trái làm kinh tế chung trong gia đình nhưng bị thua lỗ nên vay tiền của bà Ch . Đối với khoản vay 80.000.000 đồng, bà nói với bà Ch là để trả nợ vay ngân hàng nhưng thực chất là để cho người thân mượn lại trả nợ. Do đây là khoản vay cá nhân của bà nên bà trả một mình và xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi dứt nợ. Đồng ý mức lãi bà Ch yêu cầu nhưng đề nghị tính lãi từ ngày 28/3/2017 là ngày trả nợ cuối cùng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 05/9/2017:

Ông và bà Phan Thị B là vợ chồng, có đăng ký kết hôn. Vụ việc vay tiền giữa bà Ch và bà B, ông không biết do bận đi làm xa. Ông biết vợ của ông thu mua dừa trái đem bán cho người em ruột ở tỉnh Bình Dương nhưng do người em thiếu tiền dừa, vợ của ông thiếu vốn nên mới vay tiền của bà Ch để có tiền mua dừa tiếp. Sau khi bà Ch yêu cầu Ủy ban nhân dân xã M hòa giải, ông có nghe nói bà B hứa mỗi tháng trả cho bà Ch nhưng số tiền bao nhiêu ông không biết. Sau đó bà B không đủ tiền trả nên bà Ch khởi kiện. Ông có nghe nói bà B vay tiền của người khác trả nợ vay ngân hàng (là nợ chung) nhưng không biết vay của ai. Việc bà B mua dừa trái là để làm kinh tế chung cho gia đình. Nay với trách nhiệm là chồng bà B, bà B làm kinh tế cho gia đình nhưng thua lỗ gây nợ, ông cũng đồng ý cùng bà B liên đới trả tiền cho bà Ch nhưng không đồng ý đến Tòa, xin vắng mặt các lần Tòa án mời.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử,

Thư ký cũng như những người tham gia tố tụng nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản liên quan quy định. Riêng bị đơn vắng mặt (được triệu tập hợp lệ), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt (có đơn xin vắng) nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử là đúng quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ch, buộc bị đơn bà Phan Thị B và ông Nguyễn Văn B1 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vốn vay còn thiếu cho bà Phạm Thị Ch là 78.000.000 đồng và tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Nghe vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và nội dung giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và nội dung yêu cầu của bà Phạm Thị Ch, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"; trong đó xác định bà Phạm Thị Ch là nguyên đơn (người đại diện theo ủy quyền là anh Trần Ng), bà Phan Thị B là bị đơn, ông Nguyễn Văn B1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Phan Thị B vắng mặt không lý do, không có đơn xin vắng; ông Nguyễn Văn B1 có đơn xin vắng theo giấy triệu tập của Tòa án với lý do bận công việc nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà B, ông B1 là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

** Về số tiền vốn vay mà bà Phạm Thị Ch yêu cầu là 78.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:* Giữa bà Phạm Thị Ch và bà Phan Thị B có thỏa thuận giao dịch hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015. Trong đó bà Ch là người cho vay, bà B là người vay; thời gian giao nhận tiền là ngày 16/11/2015 âm lịch và ngày 01/02/2016 âm lịch; số tiền bà B giao cho bà Ch 02 lần là 44.000.000 đồng và 80.000.000 đồng, tổng cộng 124.000.000 đồng. Sự việc này thể hiện qua lời thừa nhận của bà B, lời trình bày của bà Ch và biên nhận tại BL 06 do bà Ch cung cấp. Do đó bà Ch không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà B thừa nhận vay số tiền 44.000.000 đồng để thực hiện việc mua bán dừa trái, làm kinh tế chung của gia đình. Thừa nhận khi vay số tiền 80.000.000 đồng bà B nói với bà Ch là để trả tiền vay ngân hàng (nợ chung của vợ chồng) nhưng thực chất là để cho người thân vay lại trả nợ. Thấy rằng mục đích khi bà Ch cho bà B vay số tiền này là cho bà B để trả nợ Ngân hàng, việc sử dụng sai mục đích vay là lỗi của bà B.

** Về tiền lãi chậm trả, bà Ch yêu cầu tính lãi do chậm trả:* Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với 02 khoản vay, bà B chỉ thanh toán 01 phần. Tuy nhiên, bà Ch

không khởi kiện, vẫn đồng ý cho bà B tiếp tục trả dần và sau khi Ủy ban nhân dân xã M hòa giải, bà Ch đồng ý cho bà B trả dần mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Trên thực tế, đến thời điểm ngày 28/3/2017, bà B đã trả cho bà Ch tổng số tiền vốn là 46.000.000 đồng (trước khi hòa giải trả 14.000.000 đồng, sau khi hòa giải trả 32.000.000 đồng). Đây được xem là việc các bên thỏa thuận lại về thời hạn thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 278, Điều 282 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ chpa61 nhận xem xét tính lãi chậm trả sau ngày bà B trả tiền lần cuối cùng (ngày 28/3/2017), tổng cộng là 06 tháng lãi. Xét mức lãi chậm trả mà Chi yêu cầu không vượt quá quy định nên được chấp nhận. Số tiền lãi được tính là: 0.75%/tháng x 78.000.000 đồng x 06 tháng = 3.510.000 đồng.

** Đối với việc bà Ch yêu cầu trách nhiệm liên đới của ông Nguyễn Văn B1 là chồng bà B phải trả số tiền này:* Hội đồng xét xử xét thấy: Việc vay tiền được thực hiện trong thời kỳ hôn nhân giữa bà B và ông B1. Tuy bà B đồng ý trả nợ một mình nhưng khi Tòa án tiến hành lấy lời khai, ông Nguyễn Văn B1 là chồng của bà B cho rằng do bà B là vợ của ông vay tiền làm kinh tế gia đình nhưng bị thua lỗ, với trách nhiệm là chồng ông cũng đồng ý liên đới cùng bà B trả tiền vay cho bà Ch. Xét thấy, cần buộc trách nhiệm liên đới giữa bà B, ông B1 đối với việc trả số tiền vay còn thiếu cho bà Ch là: 81.510.000 đồng (vốn: 78.000.000 đồng, lãi chậm trả: 3.510.000 đồng) theo đúng quy định tại Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 25, Điều 27, Điều 30, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

** Đối với việc bà B xin trả dần số tiền còn thiếu:* Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Ch không đồng ý, yêu cầu trả một lần. Do các bên không thống nhất được thời gian và phương thức trả nợ nên không có cơ sở để ghi nhận. Do đó, chỉ buộc bà B, ông B1 trả số tiền vay còn thiếu. Còn về thời gian và cách thức trả số tiền nêu trên sẽ được xem xét trong quá trình thi hành án.

Bác yêu cầu tính lãi chậm trả của bà Ch từ thời điểm từ ngày 01/02/2016 âm lịch (tức ngày 10/3/2016 dương lịch) đến ngày 28/9/2017 dương lịch với số tiền: 7.312.500 đồng.

Các đương sự không có yêu cầu khác nên không xem xét, giải quyết.

Bà B, ông B1 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền có nghĩa vụ phải trả.

Bà Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá nhạch đối với tiền lãi chậm trả bị bác.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 278, Điều 282, Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 25, Điều 27, Điều 30, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ch về việc yêu cầu bà Phan Thị B, ông Nguyễn Văn B1 liên đới trả tiền vay còn thiếu.

Cụ thể tuyên:

1. Buộc bà Phan Thị B, ông Nguyễn Văn B1 liên đới trả cho bà Phạm Thị Ch số tiền vay còn thiếu là: 81.510.000 đồng. Trong đó: Vốn: 78.000.000 đồng; Lãi chậm trả: 3.510.000 đồng (tính từ tháng 4/2017 đến tháng 9/2017).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Bác yêu cầu tính lãi chậm trả của bà Phạm Thị Ch từ thời điểm từ ngày 01/02/2016 âm lịch (tức ngày 10/3/2016 dương lịch) đến ngày 28/9/2017 dương lịch với số tiền: 7.312.500 đồng.

Các đương sự không còn yêu cầu nào khác, không xem xét.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: 4.075.500 đồng, buộc bà Phan Thị B, ông Nguyễn Văn B1 liên đới chịu.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: 365.600 đồng, buộc bà Phạm Thị Ch chịu. Được khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà Phạm Thị Ch đã nộp 2.184.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007949, ngày 29/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Hoàn trả cho bà Ch số tiền 1.818.400 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án; Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Toà án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã nơi người đó cư trú để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đỗ Thúy Hằng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- THA huyện Mỏ Cày Nam;
- Đương sự;
- Lưu (HS, VP